

Bản án số: 52/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 24 – 9 - 2019

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thanh Thủy.

Ông Nguyễn Hữu Đệ.

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXX - ST ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Hoàng Trung K**, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn LC, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Xóm 6, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn LC, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Hoàng Trung K:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã XC, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng gia đình chị N ở thôn LC, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2017. Anh

và con gái lớn về quê anh ở Nam Định còn chị và con gái thứ hai vẫn ở nhà ngoại tại thôn LC, xã XC. Từ năm 2017 đến nay hai bên không còn quan tâm hay trách nhiệm gì với nhau. Anh đã từng làm đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng chị N không hợp tác nên anh đã rút đơn.

Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị N để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Bảo Tr, sinh năm 07/12/2009 và Hoàng Bảo Tr1, sinh 29/3/2013. Hiện nay cháu Tr đang ở với anh, cháu Tr1 đang ở với chị N. Cháu Tr bị bệnh bại não bẩm sinh, còn cháu Tr1 cũng bị bệnh tim đã được phẫu thuật. Ly hôn, anh sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Tr, để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr1. Về cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay anh làm nghề tự do, thu nhập 9.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung công sức và nợ chung : Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Hoàng Trung K vẫn giữ toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện ban đầu.

[2]. *Quan điểm của bị đơn – chị Nguyễn Thị N :*

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N đồng ý với ý kiến của anh K về thời điểm và hoàn cảnh kết hôn cũng như quá trình chung sống. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở xã Việt Hùng, sau khi sinh cháu Tr anh chị về sống tại thôn LC, năm 2012 anh chị thuê nhà tại thôn Lý Nhân ở.

Chị xác định vợ chồng không có mâu thuẫn lớn mà chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình. Vợ chồng chung sống bình thường nhưng đến Tết Âm Lịch năm 2017, sau khi về quê ăn Tết thì anh K không về sống với chị nữa. Từ đó đến nay hai bên không liên lạc với nhau. Chị không rõ vì sao anh K cắt đứt toàn bộ liên lạc với chị và gia đình chị. Tháng 3 năm 2017, bố chị mất anh K cũng không về chịu tang, gia đình anh K cũng không thăm viếng. Đến thời điểm này anh chị đã ly thân, hơn hai năm nay không gặp mặt nhau. Tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn vì anh K có lỗi với chị và gia đình chị. Nếu anh K nhất quyết xin ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là Hoàng Bảo Tr, sinh năm 07/12/2009 và Hoàng Bảo Tr1, sinh 29/3/2013. Hiện nay cháu Tr đang ở với anh K, cháu Tr1 đang ở với chị. Cháu Tr bị bệnh bại não bẩm sinh, còn cháu Tr1 cũng bị bệnh tim đã được phẫu thuật. Ly hôn, chị sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Tr1, để anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr. Về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay chị làm thợ may và lái xe Grap, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Chị xác định anh chị không

có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn nhiều lần không đến Tòa án làm việc là không chấp hành quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Trung K về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Bảo Tr, sinh năm 07/12/2009 và Hoàng Bảo Tr1, sinh 29/3/2013. Giao cháu Tr cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tr1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con vì các bên không có yêu cầu.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không giải quyết vì các bên không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Anh Hoàng Trung K và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Anh, bị đơn là chị N hiện đang cư trú tại thôn LC, xã XC, huyện Đông Anh. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Chị N đang giữ giấy đăng ký kết hôn bản chính, sổ hộ khẩu gia đình, Tòa án đã yêu cầu chị N giao nộp các tài liệu trên nhưng chị N không giao nộp nên không có các tài liệu đó để lưu hồ sơ.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Anh K xác định chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho tới nay không ai quan tâm đến ai. Chị N xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, chị không rõ vì sao anh K lại bỏ về quê. Chị cũng thừa nhận hai vợ chồng đã không gặp nhau, không liên lạc với nhau từ đầu năm 2017.

Đại diện thôn LC và Ủy ban nhân dân xã XC cung cấp ý kiến: Anh K – chị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XC ngày 13/02/2009. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống cùng gia đình chị N tại thôn LC, hiện

nay anh chị vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn LC, xã XC. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị địa phương không nắm rõ vì chưa khi nào địa phương phải hòa giải mâu thuẫn của anh chị. Tuy nhiên, chính quyền địa phương được biết anh chị đã ly thân từ đầu năm 2017, từ đó đến nay anh K chưa khi nào về chung sống cùng chị N nữa. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét mâu thuẫn của anh chị giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên.

Xét thấy: Anh chị đã ly thân từ tháng đầu năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh K đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N. Chị N không đồng ý ly hôn nhưng xác định mâu thuẫn của anh chị không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của anh K về việc ly hôn chị N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

Anh chị đều xác định có 02 con chung là Hoàng Bảo Tr, sinh năm 07/12/2009 và Hoàng Bảo Tr1, sinh 29/3/2013. Hiện nay, cháu Tr đang ở với anh K, cháu Tr1 đang ở với chị N. Vì vậy nên tiếp tục để anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr1 là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của các bên. Các bên không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết. Các bên đều có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công sức của vợ chồng và nợ chung: Anh Hoàng Trung K và chị Nguyễn Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Hoàng Trung K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Trung K về việc ly hôn chị Nguyễn Thị N. Anh Hoàng Trung K được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Hôn nhân chấm dứt kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xác định anh Hoàng Trung K và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là Hoàng Bảo Tr, sinh năm 07/12/2009 và Hoàng Bảo Tr1, sinh 29/3/2013.

Giao cháu Hoàng Bảo Tr cho anh Hoàng Trung K trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Bảo Tr1 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến các khi con chung của anh chị thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Anh K và chị N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh K phải chịu cả để sung công quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008667 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh K đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- UBND xã XC, huyện ĐA.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Tuyến

